

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn
tỉnh Nghệ An

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW bảo đảm trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại của tỉnh trong kỷ nguyên mới. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện.

2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao, giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân có nhận thức đúng đắn, tạo sự đồng thuận trong triển khai. Khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dựa trên lợi thế của tỉnh. Thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... phù hợp với thực tiễn tại tỉnh Nghệ An và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

II- YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của Nghệ An. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể, gắn với thời hạn thực hiện. Phân bổ nguồn lực phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chiến lược gắn với kết quả, sản phẩm (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Xác định cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

3. Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với tỉnh, giữa các cấp, các ngành, cơ quan và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

4. Thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách vừa có tầm nhìn dài hạn trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn quy hoạch của tỉnh. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội; phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo, khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây

dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế Nghệ An thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), kết nối chặt chẽ với viện, trường, doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể (Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo)

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng

tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của tỉnh, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng ban, Văn phòng Tỉnh ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết. Bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp, đảm bảo ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong cơ quan chuyên môn và UBND các cấp.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành, cấp cơ sở.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong nghị quyết, kế hoạch hành động vào quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

1.4. Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng Tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

1.5. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành, địa phương; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của từng ngành, địa phương.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá.

Kế hoạch cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn (đến năm 2030, 2035, 2040, đến năm 2045); phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ; xác định rõ nguồn lực thực hiện.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của cơ quan, tổ chức là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin các sở, ban, ngành, hệ thống thông tin cơ sở để phổ biến, tuyên truyền lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo hình, báo nói, báo điện tử, các nền tảng mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc đối với cán bộ, công chức, viên chức.
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Xây dựng quy hoạch và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh giai đoạn 2025-2045, đồng bộ với quy hoạch tỉnh có tầm nhìn tới năm 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu - phát triển (R&D), khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao; Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; nghiên cứu đổi mới phương thức đối tác công tư (PPP) cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.4. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox) có kiểm soát rủi ro; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3.5. Xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); ưu tiên bố trí ngân sách

cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh; ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu quốc gia, quốc tế đặt trụ sở tại địa phương.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.9. Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

3.10. Nghiên cứu, đề xuất thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng; lồng ghép phương án phát triển hạ tầng số vào quy hoạch của tỉnh.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...) có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch của tỉnh.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Xây dựng (hoặc thuê dịch vụ, thu hút đầu tư) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao khi hội tụ đủ các điều kiện về yêu cầu lưu trữ, xử lý, nhân lực quản trị và kinh phí thực hiện; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao. Nghiên cứu chuyển đổi hoặc thành lập mới một khu công nghiệp công nghệ cao trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực bảo đảm kết nối liên thông, đồng bộ, khai thác hiệu quả.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

- Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh, kết nối đến cấp xã.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS, Bigdata, Blockchain...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh

- Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo tối thiểu có một trung tâm đầu mối dẫn dắt bởi cơ quan có chức năng của nhà nước; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu để mở rộng số lượng và quy mô các cơ sở; phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế.

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

5.2. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn...

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp tại tỉnh.

5.3. Nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề phục vụ cho trọng tâm phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, công nghiệp chế biến, logistic, môi trường, y tế, giáo dục, văn hoá, du lịch...), ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp,...

6.2. Bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

6.3. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao. Lộ trình 2030 trở đi hàng năm tuyển chọn học sinh xuất sắc gửi đi học, đào tạo ở nước ngoài về công nghệ AI, bán dẫn, kinh tế số.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

6.4. Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

6.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

6.6. Thu hút nhân tài, chuyên gia

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người Nghệ ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

7. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số

7.1. Xây dựng kế hoạch 5 năm thực hiện chuyển đổi số của tỉnh

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại tỉnh, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Khai thác, ứng dụng hiệu quả các nền tảng đã được Trung ương đầu tư.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Xây dựng kế hoạch 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cơ sở.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường,...

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Triển khai hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số”.

7.3. Xây dựng kế hoạch 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, logisc...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...

- Nâng cấp sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.
- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.
- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.
- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh.
- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố.
- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.
- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.
- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.
- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.
- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

9.1. Hợp tác với các địa phương, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm,

hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...) phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể.

- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các đối tác nước ngoài.

- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

(Danh mục các nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, chi tiết Phụ lục 2 kèm theo)

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

- Lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Định kỳ nghe Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh Nghệ An (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) báo cáo về tiến độ thực hiện, kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề trọng tâm cần tháo gỡ.

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...). Xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích phù hợp để thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm cân đối nguồn lực đầu tư một cách hợp lý, hiệu quả.

- Chỉ đạo công tác khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình xuất sắc; đồng thời, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động. Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai; trên cơ sở đó, bổ sung, điều chỉnh giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo để đảm bảo hiệu quả thực hiện.

- Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Ban Chỉ đạo

- Lãnh đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; chủ động đôn đốc, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị để đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Kịp thời đề xuất, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy các chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời chỉ đạo xử lý sai sót, chậm trễ trong triển khai Kế hoạch hành động.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ); báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy: Thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh theo giai đoạn trình Ban Chỉ đạo ban hành; chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Kế hoạch hành động này; hướng dẫn công tác tuyên truyền của các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

4. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức liên quan tham mưu xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh theo giai đoạn trình Ban Chỉ đạo ban hành; xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch, y tế, văn hoá, giáo dục...; chuyển đổi số trong doanh nghiệp; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các cấp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

5. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (HĐND, UBND) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Báo cáo tiến độ, phản ánh những vấn đề phát sinh, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

6. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

- Tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm; sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 5 năm, tổ chức tổng kết trên phạm vi toàn tỉnh; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách chi cho hoạt động khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo những vướng mắc (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo),
- Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh,
- Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Chánh, Phó Chánh VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Đức Trung

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Kế hoạch hành động số 328-KH/TU, ngày 24/4/ 2025 của Tỉnh ủy Nghệ An)

MỤC TIÊU CỤ THỂ

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
I	Phát triển hạ tầng					
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	$\geq 50\%$	100%	6G (50%)	6G (80%)	6G (100%)
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	$\geq 50\%$	80%	100%	100%	100%
3	Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Có	Có	Có	Có	Có
II	Phát triển nguồn lực					
4	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bảo đảm đạt mức theo phân bổ NSTW và điều kiện thực tiễn của tỉnh	Bảo đảm đạt mức theo phân bổ NSTW và điều kiện thực tiễn của tỉnh	$\geq 2\%$ 3%GRDP	$\geq 2,5\%$ 3%GRDP	$\geq 3\%$ 3%GRDP
5	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%
6	Cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	100%	100%	100%	100%
7	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	100%	100%	100%	100%
8	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%	90%	95%	97%	99%

9	Dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số ...)	-	-	-	80-90%	$\geq 90\%$
10	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	7	12	20	33	54
III	Phát triển khoa học, công nghệ					
11	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	≥ 17	≥ 30	≥ 150	≥ 250	≥ 400
12	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	≥ 4	≥ 6	≥ 8	≥ 10	≥ 12
13	Công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	≥ 20	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160
14	Số cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh (người)	≥ 300	≥ 600	≥ 1200	≥ 2000	≥ 3000
15	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	≥ 25	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160
16	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu mỗi năm.	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$
17	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	≥ 15	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 180
18	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	$\geq 2-3\%$	$\geq 10\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$
19	Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)/năm	≥ 50	≥ 150	≥ 300	≥ 500	≥ 800
20	Số công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm	≥ 1	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10

21	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân	ứng dụng	ứng dụng	ứng dụng	ứng dụng	ứng dụng
22	Có trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	-	-	-	15 - 20	-
23	Có trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế	-	-	-	7-10	-
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo					
24	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 50	≥ 150	≥ 300	≥ 500	≥ 800
25	Số vườn ươm /trung tâm đổi mới sáng tạo	≥ 3	≥ 7	≥ 12	≥ 18	≥ 25
26	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	≥ 15%	≥ 30%	≥ 50%	≥ 70%	≥ 90%
27	Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	≥ 10	≥ 30	≥ 150	≥ 300	≥ 500
28	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150
29	Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	≥ 5	≥ 20	≥ 50	≥ 100	≥ 200
30	Số bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	≥ 50	≥ 150	≥ 700	≥ 1200	≥ 1800
31	Doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường	≥ 2-3%	≥ 10%	≥ 40%	≥ 60%	≥ 80%
32	Sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	≥ 30	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250
33	Hình thành và vận hành một Trung tâm và không gian kết nối chia sẻ khởi	-	1	-	-	-

	ngành đổi mới sáng tạo của tỉnh					
V	Phát triển chuyển đổi số					
34	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0.60	≥ 0.75	≥ 0.85	≥ 0.92	1,0
35	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%
36	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	100%	100%	100%	100%
37	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%
38	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%
39	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%
40	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	$\geq 100\%$	100%
41	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	$\geq 40\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	100%	100%
42	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	$\geq 50\%$	$\geq 80\%$	100%	100%	100%
43	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trục liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	$\geq 60\%$	$\geq 85\%$	100%	100%	100%
44	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	-	85%	100%	100%	100%
45	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	$\geq 30\%$	$\geq 60\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%

46	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	$\geq 50\%$	$\geq 80\%$	$\geq 95\%$	100%	100%
47	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số		$\geq 10\%$	20%	30%	40%
48	Tỷ lệ Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	$\geq 90\%$	100%	100%	100%
49	Quy mô kinh tế số	10% GRDP	20% GRDP	25% GRDP	30% GRDP	40% GRDP
50	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công	-	Trung tâm	Duy trì/nâng cấp	Duy trì/nâng cấp	Duy trì/nâng cấp
51	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	42-45%	$\geq 55\%$	$\geq 55\%$	$\geq 55\%$	$\geq 55\%$

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Kế hoạch hành động số 328-KH/TU, ngày 24/4/ 2025 của Tỉnh ủy Nghệ An)

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

TT	Các chương trình, đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị chủ trì tham mưu	Thời gian hoàn thành
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo			
1	Đưa nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW vào văn kiện, nghị quyết Đại hội Đảng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh; các tổ chức Đảng		Năm 2025 và giai đoạn tiếp theo
2	Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
II	Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị			
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy		Năm 2025 và các năm tiếp theo
2	Xây dựng cụ thể hoá nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh; các tổ chức Đảng	Các sở, ngành và UBND các cấp	Hàng năm
3	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo, truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh	Báo Nghệ An - Đài PTTH tỉnh	Hàng năm

4	Kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ công chức và Nhân dân	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành và UBND các cấp	Hàng năm
5	Bổ trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, đảm bảo ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong cơ quan chuyên môn và UBND các cấp	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành và UBND các cấp	Nhiệm vụ thường xuyên
6	Kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ công chức, viên chức về kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
III	Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực			
1	Thực hiện cụ thể hóa các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngay khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW.	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Xây dựng các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025-2045, đồng bộ với quy hoạch tỉnh có tầm nhìn tới 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
3	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
4	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026

5	Xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025-2026
6	<i>Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030</i>	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026-2030
IV	Phát triển hạ tầng số ứng dụng, dịch vụ số			
1	Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
2	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Đảng ủy UBND tỉnh	Công an tỉnh - Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
3	Xây dựng trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao tỉnh Nghệ An	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025-2030
4	Lồng ghép phương án phát triển hạ tầng số vào quy hoạch của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Tài chính	Hàng năm
5	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính - Các sở, ngành	Năm 2025
6	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành	Năm 2025
7	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU và Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030 (Quyết định 3050/QĐ-UBND ngày 12/11/2024)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm

8	Thực hiện giai đoạn 2 Đề án thí điểm xây dựng đô thị thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030 (Kế hoạch 655/KH-UBND ngày 22/08/2024)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
9	Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển y tế thông minh tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế	Hàng năm
10	Đề án Phát triển thành phố Vinh thành trung tâm Y tế chuyên sâu khu vực Bắc Trung Bộ giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế	Năm 2025
11	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam - Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
12	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành	Hàng năm
13	Triển khai các nền tảng số dùng chung theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành	Hàng năm
14	Quy hoạch, thu hút dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái mới hoặc chuyển đổi khu công nghiệp đã được thành lập sang hoạt động theo loại hình khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam	Năm 2030
V	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển			

1	Thúc đẩy, hỗ trợ các chương trình ươm tạo dự án khởi nghiệp, các chương trình huấn luyện, đào tạo chuyên gia, cố vấn về khởi nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Đề án Thành lập Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nghệ An	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
3	Hình thành và vận hành một Trung tâm và không gian kết nối chia sẻ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026-2030
4	Phát triển Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, đại học đổi mới sáng tạo	Trường Đại học Vinh		Năm 2025
5	Kế hoạch phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
6	Kế hoạch thực hiện các sáng kiến gia nhập mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2027
7	Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
8	Đề án phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực gắn với chế biến, bảo quản liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025
9	Đề án Khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
10	Xây dựng quy hoạch chi tiết và thu hút đầu tư khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ tại tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025
11	Đề án Thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Nghệ An	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025

12	Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản trọng tâm thuộc hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025
13	Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
14	Kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
15	Sửa đổi và bổ sung chương trình phát triển tài sản trí tuệ và quảng bá thương hiệu sản phẩm của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
VI	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao			
1	Đề án/Kế hoạch phát triển mạng lưới kết nối, thu hút nhân tài tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Nghệ An ở trong và ngoài nước	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ - Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2027
2	Xây dựng, triển khai cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ các nhà khoa học, các chuyên gia, người có tài năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ - Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030
3	Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các chương trình đào tạo chuyên sâu về vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng phát triển	Đảng ủy UBND tỉnh	Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Năm 2026
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
VII	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số			
1	Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng để phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, kết nối, chia sẻ dữ liệu	Văn phòng Tỉnh uỷ		Năm 2025-2028

2	Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
3	Xây dựng, từng bước hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu số các ngành, lĩnh vực	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm
4	Xây dựng chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương	Năm 2026
VIII	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số			
1	Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng cấp tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Công an tỉnh	Năm 2025
2	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng	Đảng ủy UBND tỉnh	Công an tỉnh	Hàng năm
3	Xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước	Đảng ủy UBND tỉnh	Công an tỉnh	Hàng năm
IX	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế			
1	Chương trình hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Tổ chức các sự kiện quốc tế, hội thảo, triển lãm, trình diễn công nghệ, diễn đàn kết nối đầu tư; Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư về khoa học, công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo tại một số quốc gia có thể mạnh; Tham gia tích cực và triển khai các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh trong các cơ chế hợp tác đa phương; Kết nối, liên thông dữ liệu và dịch vụ đô thị thông minh với các đô thị thông minh trong nước)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Ngoại vụ	Năm 2025